

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 26/5/2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Nam.

Bà Dư Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết M, sinh năm: 1977, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Chà R, xã Thạnh B, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019, chị Nguyễn Tuyết M là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân của vợ chồng anh chị do tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý, kết hôn năm 1997 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân anh C thường hay uống rượu về cự cãi nhau, đánh đập chị, thiếu trách nhiệm với vợ con. Mặc dù đã nhiều lần khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm nhưng vẫn không có kết quả, chị và anh C đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh ngày 19/10/1997 và Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 03/02/2002.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân chị xin được ly hôn với anh C; Về con chung các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân và về con chung là đúng.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh thường uống rượu, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, có vài lần anh đánh chị M, anh có xin lỗi, khắc phục khuyết điểm nhưng vẫn không đạt kết quả. Chị M trình bày anh không có trách nhiệm với vợ con là không đúng vì anh đi làm hàng tháng vẫn gửi tiền cho vợ con sinh hoạt gia đình.

Đối với yêu cầu của chị M, anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Do anh còn thương vợ con nên không đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 19/10/1997 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 03/02/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Tuyết M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị M và anh C thực sự có xảy ra trong thời gian dài. Mặc dù, anh chị có cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả, không thể hàn gắn được. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Cường được.

Chị M và anh C chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, không công nhận chị M và anh C là vợ chồng.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Tuyết M và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.
2. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008162 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị M đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 26/5/2020; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Năng